

Từ một số nét tương đồng

GIỮA SINH HOẠT DÂN CA SÁN CHAY VỚI DÂN CA QUAN HỌ KINH BẮC

T.S. BÙI QUANG THANH*

Trong hệ thống danh mục các dân tộc thiểu số ở Việt Nam, Cao Lan - Sán Chí thuộc hàng các dân tộc ít người, cư trú chủ yếu ở miền trung du Bắc Bộ, rải rác từ Quảng Ninh, Lạng Sơn, Bắc Giang đến Yên Bái, Phú Thọ và đông nhất là ở Tuyên Quang, Bắc Kạn. Theo thống kê năm 1999, dân tộc Cao Lan - Sán Chí có khoảng 115.000 người. Xét về dân tộc danh, người Cao Lan - Sán Chí thường tự nhận mình là người San Chối, San Chấy. Qua một số cuộc họp được tổ chức ở Lục Ngạn, Bắc Giang (10/1973), tại Thái Nguyên (12/1973) và một số hội nghị giữa đại diện hai tộc người Cao Lan và Sán Chí do Ban Dân tộc Trung ương tổ chức ở Thái Nguyên và Hà Nội (1980 - 1985), mọi người đã thống nhất hai tộc người này được gọi chung theo dân tộc danh là Sán Chay. Các tên gọi San Chối, San Chấy, Sán Chỉ, Sán Chay, Sán Chí đều bắt nguồn từ cụm từ "Sơn Tử", nghĩa là "người núi".

Gia phả của khá nhiều dòng họ người Sán Chay còn ghi rõ xuất xứ của dân tộc này vốn từ Quảng Đông, Quảng Tây (Trung Quốc). Vào đời cuối nhà Minh, đầu đời nhà Thanh (khoảng những năm 1640 - 1660), người Sán Chay do âm mưu khởi nghĩa chống lại chính quyền, nên bị tàn sát khốc liệt. Họ phải phát tán và phiêu dạt đi nhiều nơi, chủ yếu là dạt sang Việt Nam. Ở các thời điểm khác nhau từ nửa cuối thế kỷ XVII đến đầu thế kỷ XVIII (cách nay từ 300 đến 400 năm), người Sán Chay dạt xuống Việt Nam không chỉ bằng đường bộ mà còn theo đường thủy (vượt qua biển Đông, sau đó dạt vào các cửa sông Hải Phòng, Thái Bình, Quảng Ninh, rồi ngược theo các con sông lớn hướng lên những vùng đất cao tìm nơi cư trú).

Nhìn theo địa bàn cư trú và trục đường di cư của người Sán Chay vào Việt Nam, có thể nhận

thấy, trước hết, họ tập kết sớm tại các khu vực Quảng Ninh, Lạng Sơn, Bắc Giang, sau đó mới dạt dần theo hướng Tây - Bắc về các vùng đất thuộc Bắc Kạn, Thái Nguyên, Tuyên Quang. Có lẽ do khiếp sợ bị truy đuổi mà người Sán Chay dạt đông về mạn Thái Nguyên, Bắc Kạn, Tuyên Quang chăng?!

Riêng ở Bắc Giang, người Cao Lan - Sán Chí thuộc dân tộc Sán Chay cư trú chủ yếu ở quanh vùng rừng núi thuộc 4 huyện Sơn Động, Lục Nam, Lục Ngạn và Yên Thế, với khoảng 2.571 hộ (16.312 nhân khẩu).

Cũng như một số dân tộc khác, khi di cư sang Việt Nam, người Sán Chay ngoài việc mang theo cơm áo, dụng cụ sản xuất để mưu cơ sinh sống, họ còn "di cư" theo cả một hệ thống các phong tục tập quán và di sản văn hoá tinh thần của mình. Nổi bật trong kho tàng văn hoá của người Sán Chay là hàng nghìn bài dân ca đi cùng với cách thức sinh hoạt độc đáo và cực kỳ sinh động, mang tính truyền thống của một tộc người có công gìn giữ và lưu truyền qua nhiều trăm năm, để hoà nhập, ứng xử với vùng đất mới, trở thành một thứ văn hoá bản địa của tộc người này. Và, trải qua hàng trăm năm, vốn di sản tinh thần cực kỳ giá trị ấy, tất yếu có sự giao thoa với văn hoá của các tộc người khác theo đặc điểm lịch sử và cư trú, như Tày, Nùng, Kinh...

Trong thời gian gần 2 tháng đi điền dã tìm hiểu về không gian văn hoá Quan họ vùng Bắc sông Cầu, thuộc trấn Kinh Bắc xưa, của người Việt, chúng tôi đã có dịp tiếp xúc với vốn di sản văn hoá của người Sán Chay do đội ngũ sưu tầm của Bảo tàng Bắc Giang cung cấp. Đi sâu vào nguồn tư liệu này, và có tham khảo một số nguồn tư liệu khác của các nhà sưu tầm từ Tuyên Quang, Phú Thọ, kết hợp với nguồn tư liệu sưu tầm của cá nhân, chúng tôi nhận ra kho tàng dân ca và lễ hội

sinh hoạt dân ca của dân tộc Sán Chay có rất nhiều nét tương đồng với cách thức và lễ lối sinh hoạt ca hát Quan họ của người Kinh Bắc xưa. Trên bước đường tìm hiểu nguồn gốc Quan họ còn đang gặp nhiều khó khăn, thậm chí có không ít quan điểm, nhận thức trái ngược nhau, những nét tương đồng này, nếu được soi chiếu và xem xét, có thể khả dĩ đem lại những gợi ý khoa học lý thú.

Từ tiểu luận khoa học nhỏ này, bước đầu chúng tôi nêu ra một số tương đồng qua hình thức so sánh những mặt giống nhau giữa sinh hoạt dân

ca Sán Chay với sinh hoạt dân ca Quan họ của người Kinh Bắc (chủ yếu tồn tại từ trước 1945) theo các biểu hiện: Trang phục, cách thức, lễ lối sinh hoạt và những mặt khác thuộc môi trường diễn xướng, điều kiện lịch sử xã hội, ...

Về trang phục, trong sinh hoạt dân ca Sán Chay và Quan họ, các chàng trai, cô gái tham gia vào cuộc hát vận trang phục có một số biểu hiện giống nhau về cách ăn vận, đồ trang sức và màu sắc quần áo.

Nhìn ở trang phục nữ

Các hình thức	Trang phục nữ Sán Chay	Trang phục nữ Quan họ
<i>Áo mặc khi đi hát</i>	Áo vải nhuộm chàm hay nâu non, tay chèn. Cổ áo theo kiểu tân thời, để hở. Áo nẹp chéo trước ngực, hai nách xẻ tà. Khung cài sườn bên phải. Áo dài quá gối. Phần lưng áo chia làm đôi. Vải may ghép nhiều màu.	Áo màu nâu già hoặc nâu non. Áo cánh bên trong bằng phin trắng. Áo cài khuy bên phải. Cổ áo theo kiểu tân thời để hở. Áo dài quá gối. Áo thân trước và sau chia đôi. Vải may ghép nhiều màu.
<i>Yếm</i>	Mặc lót bên trong, màu trắng hoặc đỏ. Là mảnh vải bằng một vuông, khoét cổ tròn, có dây buộc sau gáy và lưng.	Mặc lót bên trong, màu trắng hoặc đỏ. Là mảnh vải một vuông, khoét cổ tròn, có buộc dây sau gáy và lưng.
<i>Váy</i>	Váy nẹp bằng vải khác màu, khâu khẹp kín.	Váy hai lớp vải màu, khâu khẹp kín.
<i>Bao</i>	Dệt bằng sợi vỏ cây sồi. Có tua hai đầu để thắt gọn ngang eo. Thắt múi to để che phía trước bụng.	Dệt bằng sợi se (tơ đã se sợi). Có tua ở hai đầu thắt ngang eo. Thắt múi to để che phía trước bụng.
<i>Thắt lưng</i>	Vải màu (xanh, đỏ) bằng lụa, nhiều. Thắt chặt cặp váy vào eo. Buộc múi ra phía trước, để thừa dài đến gối cùng với múi bao.	Vải lụa màu hoa đào, màu hồ thủy. Thắt chặt cặp váy vào eo. Buộc múi ra phía trước cùng với múi bao, thả chùng xuống gối.
<i>Khăn</i>	Mảnh vải màu chàm quấn trên đầu, hai đầu thừa thắt chéo nhau ở sau gáy và hạ xuống chấm vai che búi tóc. Mùa đông có thêm khăn màu đen, chít mỏ quạ vòng xuống cằm.	Mảnh vải láng hoặc the thâm thắt múi sau gáy. Chít khăn mỏ quạ. Mùa đông buộc nút khăn dưới cằm. Có khăn vấn tóc vải láng hoặc nhiều màu đen.
<i>Trang sức</i>	Dùng vòng cổ, khuyên tai bạc hoặc vàng, tay đeo nhẫn, trâm cài đầu, đeo vòng tay, đeo dây xà tích bằng bạc.	Đeo khuyên bạc, khuyên vàng, tay đeo nhẫn bạc, vàng, trâm cài đầu đeo dây xà tích có ống vôi hình quả đào bằng bạc.
<i>Nón</i>	Nón quai thao lá cọ.	Nón ba tầm lá cọ

Nhìn ở trang phục nam (thấy đơn giản hơn, nhưng cũng có những nét tương đồng xuất hiện trong dịp sinh hoạt ca hát).

Các hình thức	Trang phục nam Sán Chay	Trang phục nam Quan họ
Áo	Áo dài 5 thân cài cúc bên cạnh, màu chàm hoặc nâu, dài quá gối. Cổ áo đứng. Áo xẻ tà. Cầu vai rời hình vòng cung bao quanh cổ.	Áo dài 5 thân cài cúc bên cạnh, màu chàm hoặc đen, dài quá gối. Cổ đứng. Áo xẻ tà. Cầu vai rời hình vòng cung bao quanh cổ.
Quần	Quần dài trắng hoặc nâu, ống rộng, may kiểu chân què. Cạp buộc bằng dây vải hay túm lại thành búi thả ở phía trước.	Quần dài trắng ống rộng, may kiểu chân què. Có thắt lưng nhỏ để thắt chặt cạp quần, kết thành búi thả ở phía trước.
Khăn	Màu chàm hoặc nâu quần theo kiểu khăn xếp để đội đầu.	Màu chàm hoặc đen quần theo kiểu khăn xếp để đội đầu.
Các hình thức khác	Nhuộm răng đen, ăn trầu. Mang ô hoặc nón dứa	Nhuộm răng đen, ăn trầu. Mang ô hoặc nón chóp lá, chóp dứa

Nếu như sinh hoạt dân ca của người Kinh Bắc đa dạng ở những hát đúm, hát ví, hát trống quân, hát chèo và nổi lên hơn cả là hát Quan họ, thì ở người Sán Chay, nổi tiếng nhất là hình thức hát giao duyên, được gọi là "Sịnh ca". Nhìn ở cách thức hát giao duyên, giữa "Sịnh ca" hay "Xình ca" của Sán Chay và Quan họ của người Kinh Bắc cũng có khá nhiều nét tương đồng. **Có thể cô đọng lại ở những cách thức chính sau đây.**

Các hình thức và lễ lối	Sịnh (Xình) ca Sán Chay	Quan họ Kinh Bắc
Địa điểm hát	Hát ban ngày, tại đồi núi, ven sông hay lễ hội ngoài làng. Hát đêm tại nhà "chứa".	Hát ban ngày trên đồi, ven sông, trên sông hay trong lễ hội ngoài làng. Hát đêm ở chùa hoặc ở nhà "chứa"...
Thời gian hát	Dịp lễ hội, cưới xin. Thời vụ thanh nhàn.	Dịp lễ hội, cưới xin. Thời vụ thanh nhàn.
Âm nhạc	Chủ yếu không có nhạc đệm. Sau này có trống, chuông, sáo, kèn, thanh la.	Không có nhạc đệm. Sau này có đàn bầu, nhị, sáo và một số nhạc cụ khác.
Nội dung	Giao duyên đối đáp trai gái và ngợi ca cảnh đẹp, lịch sử.	Giao duyên đối đáp trai gái. Ngợi ca quê hương đất nước.
Đối tượng hát	Hát theo từng cặp hai người hoặc nam hoặc nữ.	Hát theo từng cặp hai người hoặc nam hoặc nữ. Đôi khi hát đơn, hát cặp nam nữ.
Lời hát	Theo bài thất ngôn tứ tuyệt (thơ bốn câu, mỗi câu 7 chữ). Đôi khi câu đầu chỉ có 5 chữ. Dùng lời láy để ngân đệm.	Lời theo thể thơ lục bát, song thất lục bát hoặc tứ tuyệt. Dùng lời láy để ngân đệm.

Tìm hiểu các hình thức hát của lễ hội sinh hoạt dân ca giữa người Sán Chay với người Kinh Bắc, chúng ta cũng dễ nhận ra sự tương đồng về các lễ hội hay các lớp của cuộc hát.

Trong hình thức hát ban ngày của người Sán Chay, các cặp hát nam - nữ thường hát đối với nhau (hai nam hát đối với hai nữ). Nếu một bên không thuộc những bài hát cũ hoặc không tự sáng tác kịp thời để đối lại bên kia là coi như bị thua và phải tự nhận mình là người kém cỏi. Không gian hát ban ngày của người Sán Chay tương đối rộng. Ngoài không gian ngày lễ hội ra, người ta còn hát ngoài đồng, trong rừng hoặc ngoài

chợ. Cuộc hát diễn ra chủ yếu theo các bước: Làm quen, chào hỏi, xin phép, kết bạn, hẹn hò và chia tay.

Trong hình thức hát ban ngày của người Kinh Bắc, các cặp hát Quan họ cũng chủ yếu thường hát đối với nhau để thi thố xem ai biết nhiều bài, nhiều giọng và hát đúng lễ lối hơn (bọn nam từ hai đến năm người hát đối với bọn nữ có số lượng tương ứng). Bên nào không có bài hát đối lại bị coi là thua và phải nhận làm em. Không gian hát Quan họ cũng tương đối rộng, chủ yếu là tại khu vực diễn ra lễ hội hay ở sân đình, sân chùa, bến sông và đặc biệt là có nhiều cuộc hát diễn ra trên thuyền. Cuộc hát cũng chủ yếu diễn ra

Xem xét về trình tự cuộc hát đêm (người Kinh Bắc gọi là canh hát), chúng ta có thể nhận ra những nét tương đồng chính sau đây:

Cuộc hát/Canh hát	Sinh hoạt dân ca Sán Chay	Sinh hoạt dân ca Quan họ
Mời và đón khách	Mời khách vào nhà xơi trầu uống nước, làm quen	Hát mời khách vào nhà xơi trầu uống nước, làm quen.
Lễ nghi của chủ (người làng sở tại)	Thắp hương xin phép tổ tiên hoặc thánh thần.	Thắp hương xin phép tổ tiên hoặc thánh thần.
Bố trí chỗ ngồi	Chủ ngồi đối diện khách	Chủ ngồi đối diện khách
Chặng 1	Hát chào bên chủ (khách hát). Chủ - khách hát đối đáp hỏi về thân thế, gia cảnh bạn hát.	Hát giải bày gia cảnh, ước hỏi nhau theo cách thức đối đáp đủ 5 giọng cổ.
Chặng 2	Các cặp chủ - khách hát với nhau, xoay quanh chuyện tình cảm lứa đôi.	Các cặp chủ - khách hát đối theo giọng vặt, xoay quanh chuyện tình cảm lứa đôi.
Chặng 3	Hát những lời tạm biệt, chia tay, hò hẹn. Chủ hát tiễn khách ra đầu làng.	Hát những giọng già bạn, chia tay, hò hẹn. Chủ hát tiễn khách ra đầu làng hoặc bến sông.

theo các bước: Đón bạn, làm quen, chào hỏi mời trầu, xin phép, kết bạn, hẹn hò và hát già bạn (chia tay).

Một đặc điểm chung của loại hình sinh hoạt dân ca trong môi trường văn hoá xã hội của cả người Sán Chay lẫn người Kinh Bắc là các cuộc hát thu hút đủ mọi tầng lớp, lứa tuổi trong làng, trong cộng đồng đến tham dự cả ngày hoặc thâu đêm. Ở đây, nếu người hát là các cặp nam - nữ (Quan họ gọi là bọn)

thì những người già (không còn sức và giọng để hát nữa), trở thành những "đội quân cổ vấn" cho lớp trẻ, trao đổi bài bản hoặc uốn nắn giọng hát. Những người cao tuổi mà vẫn hát hay thì được xếp vào đội ngũ các nghệ nhân và có trách nhiệm truyền dạy cho thế hệ con, cháu biết hát, nối tiếp truyền thống sinh hoạt ca hát của quê hương mình. Đối với các nghệ nhân cao tuổi Sán Chay cũng vậy. Có một điểm đặc biệt nữa là, cả sinh

hoạt dân ca hát giao duyên Sán Chay lần sinh hoạt dân ca Quan họ Kinh Bắc đều nghĩ và truyền rằng, nguồn dân ca mà mình đang hát khởi nguồn là do một bà Tổ sáng tạo ra và dạy cho con, cháu. Bà Tổ đó được người dân ngưỡng vọng, lập đền thờ tự.

Với người Sán Chay, qua hàng trăm năm nay, mọi người đều tôn thờ một bà chúa thơ ca có tên là Lau Slam, còn gọi là Thánh thơ ca. Người Cao Lan ở Tuyên Quang, Phú Thọ và Thái Nguyên (giáp vùng đất phía Tây Bắc Giang) truyền nhau rằng, bà Lau Slam khiấu thơ đã được coi như một thần đồng. Mới 7, 8 tuổi bà đã hát ra những bài hát, lời thơ đồng dao dạy cho trẻ con trong làng vui hát trong những đêm trăng. Đến tuổi cập kê, Lau Slam trở thành cô gái xinh đẹp biết hát ví rất hay và giỏi hát đối đáp, nên các chàng trai quanh vùng si mê. Do cha mẹ mất sớm, Lau Slam phải ở với người anh trai và chị dâu khó tính. Trong đám hội làng, nàng đem lòng yêu chàng trai nhà nghèo. Hai người hát ví với nhau, đối đáp hết đêm này sang đêm khác mà không ai chịu thua. Mọi người trong bản, từ già đến trẻ đêm đêm nghe hát say mê rồi nhắm học mà dần biết hát...

Với người Kinh Bắc, các bạn Quan họ đều tin rằng, bà chúa Quan họ, người sinh ra các làn điệu Quan họ tuyệt vời này chính là người làng Diêm, tức làng Viêm Xá, thuộc xã Hoà Long, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh. Người dân đã lịch sử hoá thân thế của bà chúa Quan họ, gán cho bà là con gái vua Hùng. Trong lần đi du xuân, bà bị cuốn về trời và sau đó giáng hạ xuống đất này. Bà dạy dân làm ăn, xây dựng gia đình, lập nên làng xóm và đặc biệt là sáng tác ra những bài ca rồi dạy mọi người ca theo lễ lối. Những lời ca đó được gọi là Quan họ...

Nếu có điều kiện đi sâu nghiên cứu nội dung ca từ của hàng trăm bài ca của người Sán Chay và người Việt vùng Kinh Bắc, chúng ta có thể còn tìm ra nhiều nét tương đồng lý thú và có ý nghĩa cho công tác nghiên cứu văn hoá tộc người hiện nay.

Từ một số những nét tương đồng giữa sinh hoạt dân ca Sán Chay và sinh hoạt dân ca Quan họ bước đầu được nêu ra trên đây, chúng ta có thể nghĩ đến chiều hướng tiếp cận nghiên cứu nguồn gốc của loại hình sinh

hoạt dân ca Quan họ độc đáo của người Kinh Bắc. Những mối giao lưu về kinh tế và giao lưu về văn hoá giữa các dân tộc và các nhóm tộc người địa phương luôn luôn đóng vai trò hạt nhân quan trọng để chúng ta lần tìm về cội nguồn của một hình thái sinh hoạt văn hoá đan xen, phức tạp, nhiều khi khó nắm bắt. Có thể thấy rằng, trong phạm vi địa giới Kinh Bắc xưa, vùng đất Bắc sông Cầu qua nhiều trăm năm đã luôn nằm trong sự đan xen, giao thoa, phối kết và tác động qua lại để chiếm thế chủ đạo của nhiều nguồn văn hoá tộc người (Việt, Tày, Nùng, Sán Chay...). Thực trạng đó ở vùng Nam sông Cầu không thể nào có được. Không khó để nhận diện một không gian giao lưu văn hoá như thế trải rộng - dài từ Lục Nam, Lục Ngạn, Yên Dũng, "tạt ngang" theo bến bãi sông Cầu, về Việt Yên, Hiệp Hòa và không ít làng thuộc đất Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên. Giới hạn ở phạm vi tìm hiểu sinh hoạt văn hoá Quan họ vốn đang tồn tại trên nhiều làng Kinh Bắc xưa (Bắc Ninh và Bắc Giang hiện nay), soi chiếu vào các loại hình sinh hoạt dân ca của các dân tộc lân bang hoặc các vùng kế cận như hát xoan - gheo ở Phú Thọ, hát sli - lượn, hát đối đáp ở Thái Nguyên, hát ví, hát đúm, hát trống quân ở nhiều làng quê khác trong vùng Kinh Bắc thuộc đất Bắc Giang ngày nay, hoặc các địa phương láng giềng, chúng tôi tin rằng có khả năng tìm được nhiều vấn đề có giá trị khoa học lý thú và hấp dẫn. Và, quả thật, qua chuyến đi đã khảo sát sự tồn tại của các làng Quan họ từ Cách mạng tháng Tám 1945 trở về trước, tại các huyện Yên Dũng, Việt Yên, Hiệp Hòa thuộc tỉnh Bắc Giang vừa qua (cuối 2005 - đầu 2006), chúng tôi đã ghi nhận được mười lăm làng đã và đang có hàng chục nghệ nhân thuộc nhiều lứa tuổi từ 75 đến 95 (không kể hàng trăm người vừa khuất núi trong chục năm vừa qua, nếu còn sống đến nay cũng đều trên dưới trăm tuổi) đã từng "chơi Quan họ", giao du ca hát qua lại với nhiều bạn Quan họ trong vùng, còn thuộc hàng chục bài Quan họ cổ (có một số bài cổ chưa từng xuất hiện trong danh mục các bài đã công bố). Ví như các làng Bùi Kép, Bùi Bền thuộc Yên Dũng; Trung Đồng, Đình Cả, Thượng Lát, Quang Biểu,... thuộc

huyện Việt Yên; Cẩm Xuyên, Đông Lễ thuộc huyện Hiệp Hòa của tỉnh Bắc Giang. Và như thế, còn số 49 làng Quan họ gốc (!) vốn đã và đang được giới sưu tầm và nghiên cứu dân ca Quan họ từ Trung ương đến địa phương khẳng định suốt nửa thế kỷ qua là xa rời thực tế, cần mau chóng thẩm định, bổ sung và chỉnh sửa! Từ một số vấn đề được khởi sự trên đây, có thể nghĩ đến một hướng tiếp cận về không gian văn hóa Quan họ và góp phần lý giải nguồn gốc ra đời của nó. Cũng không loại trừ một giả thiết là, dân ca Quan họ thực chất là sản phẩm văn hóa "cao cấp" trong hệ thống các nguồn dân ca của nhiều tộc người (trong đó có một số nguồn chủ đạo) đã được chưng cất sau quá trình giao thoa văn hóa bởi những hoàn cảnh lịch sử nhất định từ vùng đất phía Bắc sông Cầu. Và, cũng do hoàn cảnh lịch sử (bị cấm đoán từ nhiều phía), Quan họ trôi dạt xuống phía Nam sông Cầu và dừng bước trước "bức tường thành văn hóa của đồng bằng Bắc Bộ" mà tồn tại trong không gian văn hóa như chúng ta đã và đang quen biết - nhận diện lâu nay! Ngoài ra, có một vấn đề cũng cần được nhìn nhận và xem xét như một sự thực không thể chối bỏ trong quá trình vận động và tồn tại của khá nhiều loại hình sinh hoạt văn nghệ dân gian, trong đó có sinh hoạt dân ca Quan họ, là, sự biến đổi theo chiều hướng phát triển của môi trường nhân văn (trong phạm vi kinh tế, thiết chế văn hóa, quan hệ xã hội,...) sẽ là nguyên nhân cốt lõi tạo ra quá trình tiếp biến cho giao thoa văn hóa, làm cho nguồn gốc của một hiện tượng văn hóa nào đó bị khúc xạ, thậm chí mang sắc thái chỉ dẫn hoàn toàn khác, dẫn đến sự nhận diện nó hoàn toàn sai lệch.

Với quan điểm không nhìn không gian sinh hoạt văn hóa Quan họ vùng Bắc sông Cầu như một thứ không gian ngoại biên như khá nhiều người đã và đang khẳng định, chúng tôi đồ rằng, sự phát triển về các lĩnh vực kinh tế, quan hệ xã hội của vùng Nam sông Cầu (thuộc phạm vi 44 làng Quan họ Bắc Ninh như hiện biết) đã là những tác nhân tạo ra sự biến đổi theo chiều hướng thuận cho môi trường xã hội nhân văn, có đủ điều kiện thu hút và dung dưỡng loại hình sinh hoạt văn hóa Quan họ vốn nảy sinh từ trung tâm giao thoa văn hóa giữa các dân tộc (trong đó có mối quan hệ văn hóa gần gũi, tự nhiên của người Kinh và người Sán Chay) vùng Bắc sông Cầu và làm cho các dữ kiện phát sinh của nó, nhìn từ khởi thủy, hoặc là bị lu mờ, hoặc là bị biến dạng hoàn toàn theo hướng ngược lại! Xin nhìn nhận những vấn đề được nêu ra có tính gợi mở trên đây như khởi động cho bước đi ban đầu của một cá nhân đã và đang trên đường tìm về nguồn di sản văn hoá Quan họ Kinh Bắc!

B.Q.T

Tài liệu tham khảo

- 1 - *Dân ca Sán Chí ở Kiên Lao Lục Ngạn*, Bảo tàng Bắc Giang xuất bản 2003.
- 2 - Lâm Quý: *Văn hoá Cao Lan*, Nxb. KHXH, H. 2004.
- 3 - Phương Bằng: *Dân ca Cao Lan*, Nxb. VHDT, H. 1982.
- 4 - *Một số vấn đề văn hóa Quan họ*, Trung tâm văn hoá Quan họ Bắc Ninh xuất bản, Bắc Ninh, 2000.
- 5 - *Văn nghệ dân gian Bắc Giang*, Hội VHNT Bắc Giang xuất bản, Bắc Giang, 2005.
- 6 - Tư liệu điển dã của tác giả tại các tỉnh Thái Nguyên, Tuyên Quang và Bắc Giang trong các năm 2004 - 2005.

SUMMARY: SIMILARITIES IN CULTURAL EXPRESSIONS BETWEEN THE SÁN CHAY AND KINH BẮC'S QUAN HỌ FOLK MUSIC (DR. BÙI QUANG THANH)

Pointing out the similarities in cultural expressions between the Sán Chay and Kinh Bắc's Quan họ folk music, the author introduces a new approach to the cultural space of Quan họ and, to some extent, explains about its origin. According to the article, socio-economic development of Southern region of the Cầu River has facilitated and nourished this unique folk music of Quan họ, which rooted from the cultural inter-exchange focal point of ethnic groups (including the Kinh and the Sán Chay) in the North bank of Cầu River.